TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST Ngày 28/8/2023 Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Lục Viết Sang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 26/7/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1983 – (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;

+ Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1977 – (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải chị Lý Thị L trình bày:

Chị L và anh T có sự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 24/11/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì sống ly thân, ba năm sau vợ chồng hòa giải về chung sống với nhau và đi lại 2 nơi. Thời gian gần đây, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T hay uống rượu say về không chịu làm ăn và đẩy trách nhiệm trông nom bố, mẹ đẻ cho chị L, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chị L và anh T có 02 con chung là cháu Vi Văn A, sinh ngày 10/01/2001, cháu đã trưởng thành lấy vợ; cháu Vi Tiến K, sinh ngày 12/9/2014. Hiện cháu K đang ở cùng chị L và học tại Trường tiểu học T1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, cháu K phát triển khỏa mạnh, cháu A đã trưởng thành chị L không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, chị L nguyện vọng nuôi cháu K và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vi Văn T không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 đối với cháu Vi Tiến K cho biết như sau: Cháu K là con bố T, mẹ L. Hiện nay cháu học lớp 3B, Trường tiểu học xã T1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện cháu K đang ở cùng mẹ tại nhà ngoại ở thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bố, mẹ cháu có mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày là do bố cháu hay uống rượu say về nên xảy ra cãi nhau. Nay bố, mẹ cháu K ly hôn cháu muốn bố, mẹ về ở với nhau. Nếu không được thì cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ L.

* Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 25/7/2023 với bố đẻ anh T, ông Vi Văn H khai: Ông H là bố đẻ anh T. Vợ chồng anh T chị L sau khi cưới về chung sống với gia đình ông, nhưng thường xuyên đi làm ăn bên nhà ngoại, chỉ về nhà vào ngày nghỉ, ngày lễ tết. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 03/2023 thì thấy chị L về nhà đem theo xe ô tô chở đồ đạc đi, ông H không rõ lý do vì sao. Từ đó đến nay ông H ốm, đau đi viện, chị L không về thăm, anh T có về cắt lúa rồi đem đi không phụng dưỡng ông. Hiện anh T vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Nay anh T, chị L mâu thuẫn làm đơn đến Tòa án ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2023 chính quyền địa phương xã T cung cấp như sau: Anh T, chị L sau thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y và tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương, sau đó về sinh sống, làm ăn tại địa phương và thời gian gần đây có đi làm ăn ở bên tỉnh Thái Nguyên nhưng vẫn canh tác ruộng lúa tại địa phương. Cuộc sống ở địa phương anh T, chị L bình thường, nhưng thời gian gần đây có mâu thuẫn địa phương chỉ nghe nói vợ, chồng và gia đình nhà chồng không hợp nhau, nên chị L đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở huyện P, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Anh T là lao động tự do, địa phương không nắm được thu nhập cụ thể. Tại địa phương anh T, chị L không đứng tên bất động sản hay tài sản gì có giá trị, anh T thuộc hộ cận nghèo của xã T, ở chung hộ cùng với ông H bố đẻ anh T.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Lý Thị L được nuôi dưỡng cháu Vi Tiến K, sinh ngày 12/9/2014; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí ngày 07/6/2023, tại Chi cục thi hành án huyện Yên Thế thu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh T; Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có sự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y vào ngày 24/11/2000. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị L anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T hay uống rượu say, không tu trí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ, con và đình bố, mẹ, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, nên 03/2023 chị L tự bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên sinh sống. Nay chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh T, chị xin ly hôn anh T. Phía anh T được Tòa án thông báo thụ lý việc chị L xin ly hôn và nuôi con chung, anh T không đến Tòa án làm việc, nên đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Từ các tình tiết trên, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị L và anh

T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng chị L, anh T có 02 con chung là cháu Vi Văn A, sinh ngày 10/01/2001, cháu A đã trưởng thành lấy vợ chị L không yêu cầu giải quyết; cháu Vi Tiến K, sinh ngày 12/9/2014. Ly hôn, chị L xin nuôi cháu K và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu K có nguyện vọng ở với chị L. Xét thấy, từ khi ly thân cháu K ở với chị L được chị L nuôi dưỡng, học hành phát triển khỏe mạnh. Do đó để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu K được thuận lợi, cần giao cháu K cho chị L nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị L: Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Vi Văn T.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Lý Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Tiến K, sinh ngày 12/9/2014. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí ngày 07/6/2023, tại Chi cục thi hành án huyện Yên Thế thu. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã T, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Thảo